**Mẫu số 06: Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN BẢNG KÊ LÂM SẢN**

Kính gửi (1): ……~~…………………~~…………………………

1. **Thông tin về chủ lâm sản/chủ rừng**
	1. Tên chủ lâm sản/chủ rừng (2) ;
* Số GCN/MSDN/GPTL/ĐKHĐ/CCCD/CMND/HC (3): ……………….………..
* Địa chỉ (4) ;
* Số điện thoại: ……………………, Địa chỉ Email: ……..……………………..
1. **Thông tin về lâm sản**
	1. Loại lâm sản (5): ………………………………………..………………………
	2. Số lượng, khối lượng (6): …………….…………………………………………
2. **Tài liệu kèm theo**
	1. Bảng kê lâm sản (7):…………………..………………………..………………
	2. Hồ sơ kèm theo (8):………………………….…...………..……………………

Chúng tôi/Tôi cam kết những nội dung kê khai trong đề nghị này là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực của thông tin.

Đề nghị (1) xem xét kiểm tra, xác nhận Bảng kê lâm sản./.

….…,ngày….....tháng….....năm …..

**CHỦ RỪNG/CHỦ LÂM SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với tổ chức)

**Ghi chú:**

(1) Cơ quan Kiểm lâm sở tại nơi khai thác, cất giữ lâm sản.

(2) Ghi tên bằng tiếng Việt hoặc tên giao dịch bằng tiếng Anh (nếu có) đối với tổ chức hoặc đầy đủ họ tên đối với cá nhân.

(3) Ghi Số giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/mã số doanh nghiệp/giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động đối với tổ chức; số căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân.

(4) Ghi địa chỉ tổ chức theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập/đăng ký hoạt động; ghi địa chỉ thường trú của cá nhân theo Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu.

(5) Ghi rõ chủng loại lâm sản: Gỗ tròn/gỗ xẻ/sản phẩm gỗ/thực vật rừng ngoài gỗ/động vật rừng/sản phẩm, bộ phận dẫn xuất của động vật rừng.

(6) Ghi số lượng, khối lượng, đơn vị tính theo từng loại lâm sản quy định tại Điều 4 Thông tư này.

(7) Căn cứ loại lâm sản, chủ rừng/chủ lâm sản lập Bảng kê lâm sản theo một trong các Mẫu số 01, 02, 03 hoặc 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

(8) Kê khai hồ sơ kèm theo khi đề nghị xác nhận.